

Bà Rịa, ngày 28 tháng 10 năm 2019

BÁO CÁO THÔNG KÊ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO TỪ SINH VIÊN CHUẨN BỊ TỐT NGHIỆP – KHOÁ 4

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Mục đích khảo sát

- Tìm hiểu thông tin về tình trạng việc làm của sinh viên sắp tốt nghiệp và khả năng tham gia vào thị trường lao động của sinh viên.
- Xây dựng thêm kênh thông tin phản hồi để giúp nhà trường xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội.
- Góp phần triển khai thực hiện công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài của Trường.

2. Nội dung khảo sát: Thu thập thông tin việc làm của sinh viên sắp tốt nghiệp thông qua phiếu khảo sát gồm 2 phần chính như sau:

- Phần 1: Thông tin cá nhân
- Phần 2: Khảo sát về khóa học (Mục tiêu và chương trình đào tạo, Đội ngũ giảng viên, Quản lý đào tạo, Cơ sở vật chất và các hoạt động hỗ trợ người học, Sinh hoạt đời sống, kết quả đạt được từ khóa học)

3. Đối tượng khảo sát: Sinh viên hệ đại học chính quy có tên trong danh sách tốt nghiệp năm 2019

4. Phương pháp khảo sát:

- Phát phiếu khảo sát trực tiếp
- Sinh viên trả lời bằng cách chọn vào một trong năm mức từ “Hoàn toàn không đồng ý” đến “Hoàn toàn đồng ý” tương ứng từ 1 tới 5. Ngoài ra, sinh viên có thể nêu ý kiến đóng góp của mình ở trong Mục số III.

II. THÔNG KÊ KẾT QUẢ KHẢO SÁT

1. **Tỉ lệ có việc làm trước khi tốt nghiệp:** có 15 sinh viên trong tổng số 38 sinh viên được khảo sát có việc làm trước ra trường, chiếm tỉ lệ 39,5%. Đây là tỉ lệ thấp nhất trong số 4 khóa tốt nghiệp của trường.

2. Mục tiêu và chương trình đào tạo

A. MỤC TIÊU VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO						
TT	Nội dung	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Mục tiêu ngành học rõ ràng và phù hợp với yêu cầu xã hội	5%	10%	7,5%	55%	22,5%
2	Nội dung chương trình phù hợp với mục tiêu đào tạo	5%	5%	5%	57,5%	27,5%
3	Sinh viên được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo	7,5%	2,5%	2,5%	35%	52,5%
4	Số lượng các môn học phù hợp và trình tự các môn học trong chương trình đào tạo được thiết kế logic	5%	5%	17,5%	45%	27,5%
5	Tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành hợp lý	5%	5%	5%	15%	70%
6	Đào tạo Tiếng Anh (chuẩn đầu ra về năng lực TA tương đương IELTS 5.5) trong chương trình phù hợp với yêu cầu của xã hội	5%	7,5%	15%	20%	52,5%

Hầu hết sinh viên đều đồng ý với mục tiêu và chương trình đào tạo hiện tại của nhà trường. Riêng mục 1, 6 cần cải thiện để nâng cao sự hài lòng của sinh viên.

3. Đội ngũ giảng viên

B. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN						
TT	Nội dung	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Đội ngũ giảng viên có kiến thức chuyên môn tốt, có kinh nghiệm thực tế	7,5%	5%	20%	37,5%	30%
2	Giảng viên có phương pháp giảng dạy sinh động, thu hút người học và khuyến khích người học tự học	2,5%	10%	17,5%	50%	20%
3	Giảng viên nhiệt tình, sẵn sàng giúp đỡ sinh viên	5%	7,5%	15%	30%	42,5%
4	Hình thức đánh giá kết quả học tập của giảng viên được công khai và cho kết quả tin cậy	7,5%	2,5%	7,5%	42,5%	40,5%

Có 67,5% sinh viên cho rằng đội ngũ giảng viên có kiến thức chuyên môn tốt và có kinh nghiệm thực tế liên quan. Đồng thời, 70% sinh viên đồng ý rằng phương pháp giảng dạy của giảng viên PVU sinh động, thu hút người học và khuyến khích sinh viên tự học. Tuy nhiên, vẫn còn có nhiều sinh viên nhận xét giảng viên chưa nhiệt tình, hình thức đánh giá kết quả học tập của giảng viên chưa được công khai và cho kết quả tin cậy.

4. Quản lý đào tạo

C. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO						
TT	Nội dung	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Công tác tổ chức đào tạo của Khoa, Trường tạo thuận lợi cho SV (VD kế hoạch học tập hằng năm, Thời khóa biểu học kỳ, Kế hoạch thi, Kế hoạch thực tập, viết đồ án môn học, Bảo vệ tốt nghiệp.....)	5%	2,5%	10%	40%	42,5%
2	Các phương pháp đánh giá môn học hợp lý. (Thi trắc nghiệm, Tự luận, Vấn đáp, Thuyết trình.....)	2,5%	5%	10%	50%	32,5%

3	Tổ chức thi cử chặt chẽ, giám thị coi thi nghiêm túc, khách quan	5%	7,5%	2,5%	40%	45%
4	Cán bộ, nhân viên văn phòng khoa, phòng/ban/trung tâm có thái độ phục vụ người học tốt	2,5%	5%	15%	50%	27,5%

Hầu hết sinh viên hài lòng với công tác quản lý đào tạo. Tuy nhiên, có tới 22,5% sinh viên phân vân và chưa hài lòng với thái độ phục vụ của cán bộ, nhân viên văn phòng khoa, phòng/ban/trung tâm. Đề nghị nhà Trường có biện pháp nhắc nhở với các cán bộ Khoa, phòng/ban/trung tâm để hỗ trợ tốt hơn cho người học.

5. Cơ sở vật chất và các hoạt động hỗ trợ người học

D. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC						
TT	Nội dung	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Nguồn tài liệu trong thư viện trường đáp ứng được nhu cầu của sinh viên	5%	2,5%	10%	30%	52,5%
2	Nhà trường có đủ trang thiết bị giảng dạy, học tập	2,5%	7,5%	12,5%	27,5%	50%
3	Các phòng học đảm bảo về âm thanh, ánh sáng và độ thông thoáng	0%	2,5%	2,5%	12,5%	82,5%
4	Trang thiết bị trong phòng thí nghiệm-thực hành, thực tập đáp ứng chương trình đào tạo	5%	7,5%	2,5%	15%	70%
5	Các hoạt động tư vấn và hỗ trợ sinh viên được thực hiện đầy đủ	10%	17,5%	24%	22,5%	24%
6	Nhà trường có các khóa nâng cao kỹ năng mềm/các buổi nói chuyện chuyên đề ngoài chương trình rất thiết thực cho sinh viên	2,5%	10%	15%	27,5%	20%

Mục 1, 2, 5 và 6 cần được cải thiện để đáp ứng yêu cầu của sinh viên nhiều hơn.

6. Điều kiện sinh hoạt và đời sống sinh viên

E. SINH HOẠT VÀ ĐỜI SỐNG						
TT	Nội dung	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Các hoạt động do Đoàn Thanh niên tổ chức thiết thực, thu hút SV tham gia	5%	10%	5%	30%	50%
2	Các hoạt động ngoại khóa có số lượng vừa đủ và có chất lượng	5%	7,5%	15%	22,5%	50%
3	Nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu văn hóa, văn nghệ, thể thao SV	2,5%	5%	15%	20%	57,5%
4	Ký túc xá đáp ứng tốt nhu cầu của SV	5%	10%	2,5%	30%	52,5%

Nhìn chung các hoạt động ngoại khóa cần cải thiện nhiều hơn về số lượng và chất lượng để đáp ứng kì vọng của sinh viên. Riêng chất lượng ký túc xá đáp ứng khá tốt nhu cầu của sinh viên.

7. Nhận xét chung về kết quả đạt được từ khoá học:

F. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC						
TT	Nội dung	Mức độ				
		1	2	3	4	5

1	Sinh viên có khả năng đáp ứng các yêu cầu của nghề nghiệp sau khi hoàn thành khóa học, (có kiến thức cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp)	5%	7,5%	12,5%	32,5%	42,5%
2	Sinh viên có khả năng đáp ứng được các yêu cầu của công việc đòi hỏi có kỹ năng mềm	5%	25%	20%	30%	32,5%
3	Sinh viên có khả năng đáp ứng được yêu cầu của công việc đòi hỏi có kỹ năng mềm (Giao tiếp, làm việc nhóm, quản lý/ tổ chức công việc, thuyết trình,...)	2,4%	15%	7,5%	50%	25%
4	Sinh viên có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh khi làm việc trong môi trường cần giao tiếp bằng tiếng Anh	7,5%	12,5%	20%	30%	30%

Số lượng sinh viên được khảo sát cho rằng kiến thức chuyên môn đáp ứng từ tốt trở lên với yêu cầu công việc chiếm tỷ lệ cao nhất 75%. Con số này phản ánh tốt về chương trình đào tạo cũng như chất lượng đào tạo chuyên môn của nhà trường. 20% sinh viên phân vân và 30% sinh viên cho rằng mình không đủ kỹ năng mềm để đáp ứng được yêu cầu của công việc. Kết quả này phản ánh đúng thực tế rằng phần lớn sinh viên tốt nghiệp cần một khoảng thời gian nhất định để thích nghi với công việc thông qua tiếp cận thực tế và tham gia các khóa đào tạo của doanh nghiệp.

37,5% sinh viên được khảo sát phân vân và không đồng ý với khả năng đáp ứng yêu cầu của công việc, đòi hỏi có kỹ năng mềm. Có 40% sinh viên không nghĩ rằng mình có đủ khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh khi làm việc trong môi trường tiếng Anh.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KHẢO SÁT

- Qua phân tích kết quả việc làm như trên, tỷ lệ sinh viên có việc làm trước khi tốt nghiệp của Khóa 4 là khá thấp so với 3 khóa trước mặc dù số lượng sinh viên Khóa 4 thấp nhất từ trước đến nay. Chính vì vậy, Nhà trường cần phải có giải pháp kịp thời để hỗ trợ cho sinh viên tiếp cận nhiều hơn với những nhà tuyển dụng nói riêng và thị trường lao động nói chung.
- Một vấn đề đáng lưu ý là tỷ lệ sinh viên phân vân khả năng đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp sau khi hoàn thành khóa học. Nhà trường cần phải xem xét tăng cường đào tạo, nâng cao kỹ năng mềm để sinh viên tự tin hơn khi đi phỏng vấn cũng như thích nghi nhanh với môi trường làm việc.
- Đề nghị nhà Trường có biện pháp nhắc nhở với các cán bộ Khoa, phòng/ban/trung tâm để có thái độ hỗ trợ tốt hơn cho người học.

IV. Ý KIẾN GÓP Ý

- Mặc dù hoạt động tư vấn tuyển sinh tốt nhưng vẫn chưa được lan rộng nên độ phổ biến của trường chưa cao. Để chất lượng đầu vào tốt hơn thì cần giải quyết vấn đề này bằng việc quảng cáo trên các trang báo nổi tiếng, các kênh thông tin dễ tiếp cận với học sinh trung học phổ thông.
- Nguồn tài liệu trong thư viện không đủ đáp ứng được nhu cầu của sinh viên.
- Máy chiếu đôi lúc bị lỗi, rất khó quan sát, tình trạng kéo dài khiến mất điều tiết kém, ảnh hưởng chất lượng học tập Giảng viên cần cải thiện phương pháp sư phạm cũng như kĩ năng truyền đạt kiến thức.
- Trường nên mời các chuyên gia của các công ty hàng đầu dầu khí giảng dạy cho sinh viên biết thêm kinh nghiệm thực tế.
- Ngoài những học phần chuyên ngành như cơ học thủy khí, tự động hóa, kỹ thuật điện, nhiệt, các học phần tiếng Anh cần được giảng dạy tăng cường và tập trung hơn để tăng cơ hội cạnh tranh khi xin việc của sinh viên với vốn tiếng Anh tốt hơn.
- Chương trình đào tạo nên tăng tỷ trọng của các học phần thực hành.
- Kí túc xá không có quy trình quản lí chặt chẽ. Kí túc xá sinh viên hiện nay có nhiều kiến ba khoang- một loài kiến nguy hiểm có thể gây thương tích ảnh hưởng trực tiếp ảnh hưởng tới sức khỏe sinh viên, kiến nghị nhà trường có phương pháp giải quyết vấn đề này.
- Nhà trường không đáp ứng tốt nhu cầu văn hóa, văn nghệ, thể thao.
- Các hoạt động tư vấn và hỗ trợ sinh viên được một cách sơ sài.
- Các hoạt động ngoại khóa không đủ về số lượng. Các hoạt động do đoàn thanh niên tổ chức chưa thu hút được sinh viên.
- Kiến nghị nhà trường nên tận dụng nguồn cơ sở vật chất đắt giá và chất lượng của mình tốt hơn, các thầy cô nên tạo điều kiện cho sinh viên được thực hành trực tiếp và học hỏi tốt hơn từ những buổi thực hành này.

V. KHÓ KHĂN THUẬN LỢI TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN KHẢO SÁT

1. Thuận lợi

- Nhóm chuyên trách đã có kinh nghiệm về việc thu thập khảo sát và báo cáo khảo sát.
- Được sự hỗ trợ nhiệt tình từ các đơn vị liên quan về việc cung cấp thông tin sinh viên tốt nghiệp.

- Tập hợp được những ý kiến đóng góp chân thành, đánh giá thiết thực về chất lượng đào tạo và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nhà trường.

2. Khó khăn

- Mặc dù đã rút kinh nghiệm từ những năm trước nhưng việc thống kê địa chỉ và các thông tin sinh viên sắp tốt nghiệp để tiến hành khảo sát hết sức khó khăn vì nhiều sinh viên sau khi rời trường đi thực tập và làm đồ án tốt nghiệp đã không còn sử dụng tài khoản email trường nữa nên không thể thu thập khảo sát qua email như dự kiến, và phải đợi đến lúc sinh viên nhận bằng tốt nghiệp để phát phiếu khảo sát trực tiếp. Dù vậy vẫn không thu thập được phản hồi của tất cả sinh viên sắp tốt nghiệp khóa 4 này.
- Tâm lý ngại kê khai thông tin cá nhân vì những đóng góp ý kiến khá nhạy cảm.
- Đa số sinh viên sắp ra trường chưa ổn định việc làm, cộng với tâm lý lo lắng muốn thay đổi công việc nên không nhiệt tình trong việc thực hiện phiếu khảo sát.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Khoa DK; KHCB;
- Lưu: ĐT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Ngô Thu Kiều